

Nhận thức về tư duy phản biện của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vũ Thị Ngọc Tú*

*TS, Khoa Tâm lý – Giáo dục, trường ĐHSPhN

Received: 13/03/2024; Accepted: 26/03/2024; Published: 16/04/2024

Abstract: Developing critical thinking for learners, especially students - those who, after finishing the training process, become part of the social workforce is increasingly considered an urgent task. Critical thinking is determined not only as a result of cognition and intellectual power, but also as a useful tool in the process of humans perceiving and improving the world through practical activities. me.

Keywords: Critical thinking, awareness

1. Đặt vấn đề

Một trong những hoạt động đóng vai trò quan trọng trong đời sống- đó chính là hoạt động nhận thức; đó cũng chính là quá trình tư duy. Cụ thể, tư duy là giai đoạn cao của quá trình nhận thức (nhận thức lí tính), cho phép phản ánh được bản chất và các quan hệ của sự vật khách quan mà con người không nhận biết được bằng tri giác và cảm giác trực tiếp hoặc bằng biểu tượng (nhận thức cảm tính). Những điều con người không hình dung được trong tâm thức của mình cũng cần được nhận thức ở giai đoạn cao bằng các khái niệm, thuật ngữ, phạm trù, quy luật... nhất định.

Trong các loại hình tư duy, tư duy phản biện (TDPB) (critical thinking) là một quá trình tư duy gồm phân tích, lựa chọn (sàng lọc) và đánh giá thông tin theo cách nhìn khác nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Cách nhìn đó mang tính khoa học, có cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn, dựa trên những lập luận logic, đảm bảo tính khả thi. Phản biện sẽ giúp cho quá trình hoạt động, nhận thức tránh được sự chủ quan, duy ý chí, áp đặt.

Phát triển TDPB cho người học đặc biệt là đối tượng SV- những người mà khi kết thúc quá trình đào tạo trở thành một bộ phận của lực lượng lao động xã hội ngày càng được coi là công tác cấp thiết. TDPB được xác định không chỉ là kết quả của nhận thức là sức mạnh trí tuệ mà còn đóng vai trò là công cụ hữu dụng trong quá trình con người nhận thức và cải tạo thế giới thông qua các hoạt động thực tiễn của mình.

2. Nội dung nghiên cứu

Bài báo khảo sát ý kiến của 120 SV các khoa: Toán; Ngữ Văn; Tâm lí giáo dục.

Bảng 2.1: Khách thể khảo sát

Khoa	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Toán	40	33.33

Ngữ Văn	40	33.33
Tâm lí giáo dục	40	33.33

2.1. Nhận thức về TDPB của SV là thái độ tích cực của các cá nhân đối với vai trò và hứng thú đối với việc rèn luyện TDPB.

Kết quả thu được ở biểu đồ 2.1.

Biểu đồ 2.1: Mức độ quan trọng của TDPB đối với SV.

Nhìn vào biểu đồ 2.1 chúng ta thấy:

+ Có tới 27,5% số SV được hỏi đã trả lời tư duy phản biện rất quan trọng và 43,3% số SV trả lời TDPB quan trọng.

+ Chỉ có 1,7% SV trả lời TDPB không quan trọng.

+ Không có một SV nào trả lời TDPB rất không quan trọng.

Điều này cho thấy về mặt nhận thức SV đánh giá cao vai trò của TDPB đối với học tập và công việc trong tương lai.

Để thấy rõ hơn nhận thức của SV về sự cần thiết của TDPB đối với SV sư phạm nói riêng, chúng tôi đưa ra câu hỏi “Theo bạn, kỹ năng TDPB có cần thiết đối với SV sư phạm không?”, kết quả thu được ở bảng 2.2.

Bảng 2.2: Mức độ cần thiết của TDPB đối với SV sư phạm

Các mức độ	Số sinh viên	Tỷ lệ %
Rất cần thiết	33	27,5
Cần thiết	55	45,8
Cần thiết một phần	31	25,8
Không cần thiết	1	0,8
Rất không cần thiết	0	0

Từ bảng 2.2 cho thấy:

+ Đa số SV nhận thức được môn tâm lý học đại cương cần thiết đối với SV. Có tới 27,5% SV cho là rất cần thiết và 45,8% SV nhận thức được TDPB là cần thiết đối với SV sư phạm.

+ Tiếp đó, 25,8 % SV đánh giá ở mức độ trung lập là TDPB chỉ cần thiết một phần.

+ Bên cạnh đó chỉ có 0,8% SV thấy TDPB là không cần thiết và không có SV nào trả lời TDPB rất không cần thiết.

Từ đó cho thấy phần lớn SV đã nhận thức được vai trò và sự cần thiết của TDPB. Dựa vào kết quả khảo sát ban đầu, nhìn chung có thái độ cảm xúc tích cực với kỹ năng này.

Tuy nhiên khi lý giải vì sao TDPB lại có vai trò quan trọng, thì nhiều SV còn chưa lý giải được cụ thể. Vì thế chúng tôi đưa ra câu hỏi 6, “Theo bạn kỹ năng TDPB có vai trò gì đối với việc học tập và công việc của bạn trong tương lai?”, yêu cầu SV xác định cụ thể vai trò của kỹ năng TDPB. Kết quả thu được ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: SV xác định vai trò cụ thể của TDPB

Các mức độ	Số sinh viên	Tỷ lệ %	Thứ bậc
Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề một cách hệ thống	27	22,5	2
Cải thiện các kỹ năng khác	6	5,0	4
Thúc đẩy sự sáng tạo	22	18,3	3
Nhận dạng rõ giá trị của bản thân	4	3,3	5
Tất cả các đáp án trên	61	50,8	1

Từ bảng 2.3 ta thu được kết quả: Đa số SV nhận thức được TDPB cần thiết đối với họ. Trong đó đa số SV đã nhận thức được vai trò cụ thể của TDPB là:

+ Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề một cách hệ thống: 22,5%.

+ Cải thiện các kỹ năng khác: 5,0%.

+ Thúc đẩy sự sáng tạo: 18,3%

+ Nhận dạng rõ giá trị của bản thân: 3,3%

+ Tất cả các đáp án trên: 50,8%.

TDPB có vai trò giúp họ có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề một cách hệ thống xếp thứ 2, vai trò thúc đẩy sự sáng tạo xếp thứ 3, vai trò cải thiện các kỹ năng khác xếp vị trí thứ 4 và xếp vị trí thứ 5 và vai trò giúp nhận thức rõ giá trị của bản thân. TDPB có tất cả các vai trò trên xếp thứ nhất 50,8%. Như vậy, qua bảng 2.4 ta thấy, đa số SV đều nhận thức được vai trò cụ thể của TDPB. Song vai trò của TDPB được SV đánh giá ở các vai trò khác nhau.

Kết quả nghiên cứu phần nhận thức của SV về vai trò, ý nghĩ của kỹ năng TDPB cho thấy: Phần lớn SV phần nào đã nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của của TDPB đối với hoạt động học tập, tu dưỡng bản thân hiện nay và đối với nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, sự đánh giá của họ còn chưa đầy đủ, sâu sắc, bởi vì họ chưa nhận thức hết vai trò, tầm quan trọng của của TDPB đối với việc tổ chức hoạt động học tập

của bản thân hiện nay.

2.2. Biểu hiện nhận thức về TDPB của SV

Khi SV đã nhận thức được vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của TDPB, vì thế khi nghiên cứu nhận thức về TDPB của SV được biểu hiện qua hành vi của SV trong quá trình học tập.

Khi SV có TDPB, SV sẽ dành nhiều thời gian hơn để rèn luyện kỹ năng này. SV có khả năng TDPB tốt sẽ tạo ra niềm vui kích thích sự khám phá tri thức trong quá trình học tập.

Bảng 2.4: Hứng thú với việc rèn luyện TDPB giữa các khoa

STT	Khoa	ĐTB
1	Khoa toán	2.25
2	Khoa văn	2.13
3	Khoa Tâm lí giáo dục	2.25
		ĐTB=2.21

Nếu xét riêng từng mặt, về mặt cảm xúc và hành vi học tập, SV giữa các khoa không khác biệt. Tuy nhiên, SV khoa Toán và khoa tâm lý giáo dục có hứng thú đối với việc rèn luyện TDPB hơn so với khoa Ngữ văn ($2.25 > 2.13$).

Với điểm trung bình hứng thú là 2.21, kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy mức độ có hứng thú đối với việc rèn luyện TDPB của SV được khảo sát ở mức trung bình. Hứng thú thể hiện nhu cầu nhận thức phát triển cao. Khi có hứng thú học tập người học thường có nhu cầu hiểu biết nhiều về kỹ năng TDPB để từ đó mở rộng vốn tri thức và nâng cao kỹ năng của mình.

Bảng 2.5: Thời gian trong ngày dành cho việc rèn luyện TDPB giữa các khoa.

STT	Khoa	ĐTB
1	Khoa toán	2.85
2	Khoa văn	3.48
3	Khoa Tâm lí giáo dục	4.25
		ĐTB=3.53

Thời gian tự rèn luyện TDPB của SV khoa tâm lý giáo dục nhiều hơn so với hai khoa còn lại còn lại (ĐTB = 4.25). Tiếp đến là khoa xã hội cao hơn khoa tự nhiên ($3,48 > 2.85$).

Với điểm trung bình thời gian là 3.53, kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy thời gian để tự rèn luyện TDPB của SV được khảo sát ở mức trung bình.

Qua phỏng vấn cá nhân với câu hỏi: “Bạn có hứng thú đối với việc rèn luyện kỹ năng TDPB không?” chúng tôi nhận được câu trả lời của SV Phạm Thị M kết quả cho thấy, SV Không hứng thú lắm.

Điều đó cho thấy SV đã nhận thức được về TDPB, tuy nhiên thái độ còn chưa chủ động và tích cực.

Nhận thức về TDPB còn biểu hiện bởi những hành

vi tích cực để suy nghĩ và để tìm tòi ứng dụng vào thực tế. Những thái độ, nhận thức về TDPB là cụ thể là bằng hành vi thì mới có cơ sở để đánh giá xem liệu SV có nhận thức về kỹ năng này hay không. Chúng tôi tìm hiểu những biểu hiện về thái độ học tập của SV trong buổi học trên lớp cũng như ngoài giờ học.

Bảng 2.6: Những biểu hiện nhận thức về TDPB thông qua cách giải quyết vấn đề.

TT	Cách giải quyết	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Rất ít	Không bao giờ
		%	%	%	%	%
1	Gác lại tìm cách sau	1,7	15,0	15,8	48,3	17,5
2	Nhờ thầy cô góp ý	0,8	25,0	38,3	35,0	0
3	Hỏi ý kiến bạn bè	3,3	53,3	32,5	10,0	0
4	Tự suy nghĩ đưa ra cách giải quyết	42,5	39,2	9,2	8,3	0

Dựa vào kết quả thu được bảng 2.6 như sau:

+ 48,3% SV rất ít và 17,5% SV không bao giờ gặp vấn đề cần giải quyết sẽ gác lại tìm cách sau.

+ Có 38,3% SV không thường xuyên nhờ thầy cô đưa ra góp ý.

+ Phần lớn SV thường xuyên hỏi ý kiến bạn bè 53,3%.

+ Có đến 42,5% SV rất thường xuyên và 39,2% SV thường xuyên khi gặp vấn đề sẽ tự suy nghĩ đưa ra cách giải quyết.

Như vậy có thể nhận thấy, trong việc đưa ra ý kiến của bản thân đối với ý kiến nào đó SV khá chủ động và rất ít khi im lặng không đưa ra ý kiến. Tuy nhiên một phần SV vẫn còn phụ thuộc vào thầy cô hoặc bạn bè. Tích cực phát biểu ý kiến của bản thân trong giờ là dấu hiệu đầu tiên của kỹ năng TDPB. Chỉ có được TDPB thì người học mới tập trung lâu dài vào đối tượng, có khả năng đưa ra ý kiến của cá nhân cũng như phản biện lại những ý kiến cá nhân không đồng tình. Từ đó SV mới có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về bài học cũng như có cách tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề.

Bảng 2.7: Những biểu hiện nhận thức về TDPB hành vi tích cực trong giờ học.

TT	Biểu hiện	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Rất ít	Không bao giờ
		%	%	%	%	%
1	Chăm chú nghe giảng	23,3	51,6	20,0	4,2	0
2	Nêu thắc mắc với giảng viên	2,5	25,0	42,5	27,5	1,7
3	Tích cực suy nghĩ khi giảng viên đặt câu hỏi	15,0	45,0	27,5	11,7	0

4	Trao đổi bài học với bạn bè	5,0	63,3	22,5	8,3	0
5	Bản khoăn khi không hiểu bài học	3,3	55,0	22,5	18,3	0
6	Chủ động đưa ra ý kiến phát biểu	20,0	45,0	26,7	9,2	0

Dựa vào kết quả thu được bảng 2.8 như sau:

+ 22,3% SV rất thường xuyên và 51,6% thường xuyên chăm chú nghe giảng trong các giờ học.

+ Có 25,0% SV thường xuyên và 42,5% không thường xuyên nêu thắc với GV

+ Trong giờ học 45,0% SV tích cực suy nghĩ khi GV đặt câu hỏi.

+ Phần lớn SV thường xuyên trao đổi bài học với bạn bè (63,3%)

+ Có đến 55,0% SV thường xuyên bản khoăn khi không hiểu bài học.

+ Phần lớn SV chủ động đưa ra ý kiến phát biểu (65,0%).

Như vậy có thể nhận thấy, SV khá chăm chú trong và có nhiều các hành vi tích cực thể hiện kỹ năng TDPB trong giờ học.

3. Kết luận

Về mặt nhận thức, SV nhận thấy TDPB là kỹ năng cần thiết, cần dành nhiều thời gian để rèn luyện và học tập, cần nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng TDPB để SV không những học tập hiệu quả mà còn cho cuộc sống bản thân SV trong công việc tương lai.

Về mặt hành vi biểu hiện nhận thức về TDPB của SV ở trên trên lớp và ngoài giờ trên lớp ở mức trung bình. Đa phần SV ở trên lớp được đều có thái độ, hành vi nhận thức tích cực đối với kỹ năng TDPB.

Tài liệu tham khảo

- Norris, Stephen P.; Enni, Robert H. (1989), *Evaluating Critical Thinking. The Practitioners' Guide to Teaching Thinking Series.*
- Paul, Richard W.; Binker, AJA, Ed. (1990), *Critical Thinking: What Every Person Needs To Survive in a Rapidly Changing World.*
- Beyer, Barry K. (1995), *Critical Thinking. Fastback 385.*
- Sharon Bailin, Roland Case, Jerrold R. Coombs & Leroi B. Daniels. (08 Nov 2010), *Conceptualizing critical thinking, Journal of Curriculum Studies, Volume 31, 1999 - Issue 3, Pages 285-302.*
- Deanna Kuhn. (First Published March 1, 1999), *A Developmental Model of Critical Thinking, Educational Researcher, Volume: 28 issue: 2, page(s): 16-46.*
- Fisher, A (2001). *Critical thinking: An introduction. Cambridge University Press.*